

KINH LUẬT DỊ TƯỚNG

QUYỂN 7

1. Khởi nguyên dòng họ Thích
2. Vua Tịnh-phạn băng hà
3. Hoàng hậu Ma-da sanh lên trời Đao lợi
4. Đại Ái Đạo xuất gia
5. La-hầu-la trong thai mẹ sáu năm
6. La-hầu-la xuất gia
7. La-hầu-la thọ giới đấng đạo
8. Nan-đà xuất gia
9. Đề bà đạt đa xuất gia
10. A-na-luật xuất gia
11. Bạt đề xuất gia
12. Vua Tỳ-lưu-ly diệt dòng họ Thích
13. Năm trăm thể nữ dòng họ Thích xuất gia
14. Nhân duyên kiếp trước của Đức Phật; nô bộc Xa-nặc; ngựa Kiên-trắc

1. KHỞI NGUYÊN DÒNG HỌ THÍCH:

Trong quá khứ có một vị vua tên là Uất-ma¹, nhà vua có bốn hoàng tử với thứ phi. Hoàng tử đầu tên là Chiêu-mục, thứ hai tên là Thông-mục, thứ ba tên là Điều-phục-tượng và thứ tư tên là Ni-lâu². Cả bốn vị hoàng tử đều thông minh uy vũ và có oai đức lớn. Lúc ấy hoàng hậu cũng sanh một hoàng nam tên là Trường Sanh, tính tình ương ngạnh, hình thể xấu xí thô bạo, bị người khinh khi.

Hoàng hậu thấy vậy nên tâu với nhà vua rằng: “Tâu đại vương; bốn vị hoàng tử con của thứ phi thì tuấn tú oai vệ còn con của thần thiếp

1) Trong kinh Trường A Hàm ghi là Cổ Ma Cái, nhưng đây thuộc tiếng địa phương cho nên không đúng.

2) Kinh Trường A Hàm ghi khác: 1. Diện Quang, 2. Tượng Thực, 3. Lộ Thực, 4. trang nghiêm.

ngu dân và xấu xí, sau này việc nối ngôi ắt sẽ xảy ra sự tranh giành cướp đoạt lẫn nhau.

Nay để cho yên ổn đại vương nên đuổi bốn vị hoàng tử kia ra khỏi đất nước thì thiếp đây mới an lòng”.

Nhà vua bảo: “Bốn vị hoàng tử con ta là những đứa con nhân từ hiếu thảo, chúng đâu có làm lỗi gì, tại sao phải bị đuổi đi?”

Hoàng hậu tâu: “Tâu đại vương, lòng thiếp thật sự canh cánh lo cho nước nhà, bốn hoàng tử quả là những người con có tài năng oai hùng, dân chúng đều ngưỡng mộ. Nhưng khi bè đảng kết cấu tất đưa đến tranh giành quyền lực mà tàn hại lẫn nhau, vận nước e rằng sẽ vào tay người khác, xin đại vương tính liệu việc ấy”.

Nhà vua nói: “Lời của Hoàng hậu nói cũng phải”.

Vua liền cho gọi bốn Hoàng tử vào và ra lệnh: “Các con có lỗi với ta, nay ta không nỡ nhìn thấy các con phải chết, vì vậy các con hãy nhanh chóng rời khỏi nước nhà, hãy tự mình cố gắng mà tìm kế sanh nhai, chớ nên dòm ngó mà tự mình để lại mối hận thù sau này”.

Bốn vị Hoàng tử vâng Thánh chỉ, tức thời chuẩn bị soạn hành lý lên đường. Lúc ấy Thứ phi mẹ của bốn hoàng tử cùng với các công chúa hoàng tử hoàng muội nghe tin đều xin được đi theo. Các lực sĩ cùng phân đông nhân dân cũng xin đi theo. Nhà vua đều cho phép họ cùng đi theo.

Đoàn người đi đến chân núi Tuyết Sơn thì dừng chân trong một rừng, mẹ của bốn Hoàng tử là Cung phi mà cũng tự tay nhanh chóng sửa sang nơi ở. Chỉ trong vòng vài năm mà dân chúng quy tụ về nương náu rất đông đúc và đã trở thành một cường quốc vô cùng giàu mạnh sầm uất.

Vài năm sau, vì thương nhớ muốn gặp lại con, nhà vua bèn sai sứ giả đến báo tin và triệu về, nhưng các hoàng tử đều từ chối. Nhà vua nhiều phen khen ngợi: “Con ta là những người có tài năng, có thể tự mình tạo lập cơ nghiệp”. Nhân đó nhà vua ban sắc lệnh ban cho họ là thuộc dòng họ Thích. Dòng họ Thích có từ đó³. Tổ-ni-lâu sanh ra Ô-đầu-la. Cao tổ Ô-đầu-la làm vua nước Ca-tỳ-la-vệ và sanh ra Cù-đầu-la. Tằng tổ Cù-đầu-la sanh ra Thi-hưu-la⁴, tổ Thi-hưu-la sanh bốn vị

3) Kinh Trường A Hàm nói: “Trực Thọ Lâm”, lại nói “Thích Lâm”, nhân ở trong rừng này nên lấy trên rừng làm họ. Lại nói nhà vua nghe được, bốn vị Hoàng tử sinh con để cháu rất đoan chánh, gọi đây là thật là Thích tử. Trong kinh Thụy Ứng ghi, do tài năng của các Hoàng tử.

4) Đại Trí Độ Luận ghi: “Sư Tử Dĩnh”

hoàng tử mà người con trưởng là vua Tịnh Phạn⁵.

2. VUA TỊNH PHẠN BĂNG HÀ:

Khi vua Tịnh Phạn lâm trọng bệnh, cơ thể rã rời, hơi thở mệt nhọc, mọi phương pháp điều trị đều vô hiệu hoá. Ba người em của vua Tịnh Phạn cùng với quần thần đều nói: “Đại vương là một người không làm các việc ác, gieo trồng các phước đức không chán mỗi, luôn chăm lo cho thiên hạ được yên ổn, vậy cơ sao mà đại vương sầu não đến thế?”

Vua Tịnh Phạn đáp: “Tiếc rằng ta không gặp được Tất-đạt, Nan-đà, A-nan-đà và La-hầu-la.vv. để giải niềm mong nhớ”. Nói xong nhà vua lệ trào như mưa.

Lúc bấy giờ Phật đang ngụ tại thành Vương-xá cách thành Ca-tỳ-la-vệ khoảng năm mươi do tuần. Vua cha đã quá suy yếu sợ không về thấy mặt kịp, đức Phật biết được tâm niệm của phụ vương nên Ngài liền bảo Nan-đà, La-hầu-la.vv. tức tốc vận thần túc bay về. Trong chốc lát đoàn người đã có mặt tại thành Ca-tỳ-la-vệ, đức Phật liền phóng hào quang lớn, từ xa nhân dân trong thấy đều khóc nức nở và nói rằng: “Ôi nếu Đại vương băng hà bỏ nước Xá-di này thì chắc chắn nước sẽ mất thôi!”

Nhân dân hướng về phía đức Phật mà khóc lóc vật vã. Ngài dạy: “Vô thường biệt ly là luật xưa nay, sanh tử là khổ chỉ có chánh đạo mới đem lại niềm vui chân thật”.

Ánh hào quang của đức Thế Tôn chiếu sáng rực rỡ, soi khắp cung thành. Ngài cũng phóng quang chiếu đến giường bệnh của phụ vương.

Vua Tịnh phạn liền hỏi: “Ánh sáng gì vậy? Sao mà chạm đến thân ta thì mọi khổ đau đều tan biến, có phải Tất-đạt đã về phóng hào quang đó không?”

Có người bên ngoài chạy vào tâu: “Ôi Đại vương! Đức Phật và Nan-đà, La-hầu-la cùng mọi người cưỡi hư không đã về tới rồi!”.

Nhà vua mừng quá bỗng nhiên ngồi phất dậy không còn biết đến đau đớn gì cả.

Lúc đức Phật vào, vua Tịnh Phạn thưa: “Mong đức Như Lai lấy tay sờ lên thân cho ta, giờ đây thân ta như ép dầu, đau nhức không thể chịu nổi, nhưng gặp được Thế Tôn thì khổ não của ta đã hết”.

Phật bảo Nan-đà: “Này Nan-đà! Ông hãy xem thân thể của phụ vương ngày trước đẹp đẽ và uy nghiêm tiếng tăm vang khắp, nhưng hôm nay bệnh nặng sức khoẻ đã mòn mỏi, gầy guộc không thể nhận ra!

5) Lại có tên là Vua Tịnh Khẩu (theo luật Di Sa Tắc)

Sức lực vóc dáng và tiếng tăm kia giờ ở nơi nào?”.

Vua cha một lòng chấp tay cung kính.

Đức Phật bảo: “Phụ vương đừng lo buồn nữa, phước đức của người đã đầy đủ”. Ngài liền dùng tay sờ lên trán của vua cha và nói: “Phụ vương là một người giữ giới hạnh thanh tịnh, đã xa lìa tâm cấu nhiễm, chỉ mong phụ vương hãy vui vẻ không nên buồn khổ, hãy lắng lòng tư duy, nhớ nghĩ pháp nghĩa của kinh, ở trong vô thường mà được cái chân thường, để gieo trồng được thiện căn, phụ vương nên vui vẻ”.

Vua Tịnh Phạn thưa: “Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài cùng với Nan-đà, A-nan, La-hầu-la phá trừ lưới ma cho ta.

Thấy nhà vua đã vui vẻ, đức Phật liền thuyết kinh Lượng Ba-la-bôn Sanh làm cho nhà vua thấu hiểu và chứng được quả vị A-na-hàm. Phụ vương nắm tay đức Phật để lên ngực của mình. Đức Phật tiếp tục thuyết pháp, nhà vua chứng quả A-La-hán. Nhà vua xả báo thân. Hoàng tộc họ Thích vì thương nhớ mà khóc nước mắt.

Bấy giờ đức Phật dùng nước hương thơm tắm gội nhục thân của phụ hoàng, dùng lụa bông để tắm liệm. Tang lễ được tổ chức, cung điện trang nghiêm bằng bảy báu, các bên treo lưới trân châu rủ xuống rất uy nghiêm.

Đức Phật nâng linh cữu đặt lên toà sư tử, rải hoa đốt hương cúng dường. Khi chuẩn bị cung tiễn linh cữu của nhà vua, đức Thế Tôn và Nan-đà nâng ở phía đầu, còn A-nan và La-hầu-la nâng phía dưới chân linh cữu.

Nan-đà bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, tưởng nhớ đến công ơn sanh dưỡng xin Ngài cho phép con được tự tay khiêng linh cữu”.

Đức Phật cũng vì những chúng sanh ở đời vị lai bất hiểu không báo đáp ân đức dưỡng dục của cha mẹ nên Ngài muốn chính mình khiêng linh cữu. Lúc ấy cả đại thiên thế giới đều chấn động, tất cả các núi đồi nhấp nhô như sóng lớn nâng thuyền, sáu tầng trời cõi Dục và vô số quyến thuộc đều đến thọ tang.

Trời Tứ thiên vương dẫn trăm ngàn ức chúng quỷ thần đến chia buồn, tất cả đều buồn bã.

Tứ thiên vương bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, chúng con là đệ tử của Ngài, theo Ngài nghe pháp chứng quả Tu-đà-hoàn. Việc này hãy để chúng con lo”.

Đức Phật liền nhận lời thỉnh cầu của bốn thiên vương. Họ liền hoá thân làm người thường, dùng tay nâng linh cữu lên vai. Hào quang của Phật toả ra như tựa như muôn mặt trời chiếu. Ngài bưng lư hương

đi trước mọi người. Khi đến nơi an táng, cả ngàn vị A-La-hán từ núi Linh Thứu cưỡi hư không bay đến, đánh lễ chân đức Phật, xin Ngài dạy việc.

Đức Phật bảo: “Các vị hãy đến bờ biển lớn lấy các cây Ngưu đầu chiên đàn, các loại có hương thơm về đây”.

Chỉ trong khoảnh khắc khảy móng tay thì các vị đã đem về đến các loại cây có hương thơm. Đại chúng cùng nhau chất cây lại để đốt lửa hoá táng. Đại chúng nhìn ngọn lửa bốc lên mà lòng buồn vô hạn.

Phật dạy: “Định luật khổ, không, vô thường, tất cả đều như huyễn hoá”. Công việc hoá thiêu đã xong, đức Phật dùng sữa để dập tắt lửa, thâu lượm hài cốt để vào trong bình bằng kim cang, xây tháp thờ phụng.

Lúc ấy đại chúng hỏi Phật: “Bạch đức Thế Tôn, thần thức của đại vương sanh về xứ nào?”.

Phật bảo: “Thần thức của Phụ vương ta sanh về cõi trời Tịnh cư”.
(Trích kinh Tịnh Phạn Vương Nê Hoàn)

3. HOÀNG HẬU MA DA SANH LÊN CÔI TRỜI ĐAO LỢI:

Đức Phật lên cõi trời Đao-lợi, ở nơi vườn Hoan-hỉ. Ngài ngự dưới cây Ba-lợi-chất-đa-la, an cư ba tháng. Khi ấy, từ trong lỗ chân lông của Ngài ánh sáng phóng ra chiếu khắp cả đại thiên, tất cả thiên tử cùng thiên giới thấy vậy không biết là nhân duyên gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn Thù rằng: “Ông đến báo với mẹ của ta là ta ở đây, xin mẹ đến nơi này”.

Bồ-tát Văn Thù đến báo cho Hoàng hậu Ma-da biết. Sữa của Hoàng hậu tự chảy ra. Hoàng hậu nói: “Nếu như là Tất-đạt thì sữa sẽ chảy vào miệng của con ta”.

Nói xong hai dòng sữa tự chảy ra, từ xa chảy đến tận miệng của đức Phật. Hoàng hậu Ma-da rất vui mừng. Khắp cả nước đều chấn động. Các loài hoa quả quý đẹp tuy trái mùa nhưng đồng nở và chín.

Hoàng hậu Ma-da nói với Bồ-tát Văn Thù: “Bạch Ngài, vì tình mẫu tử gặp nhau nên thật chưa bao giờ con được vui sướng như hôm nay”.

Nói xong cả hai đều đến chỗ Phật. Ngài từ xa trông thấy Mẫu hậu thì nói rằng: “Mẫu hậu đã từng nếm đủ khổ vui rồi, nay hãy quay về tu tập chánh đạo để cầu giải thoát”.

Hoàng hậu Ma-da lắng lòng năm vóc sát đất, chánh niệm, diệt trừ kiết sử. Đức Phật liền thuyết pháp cho Hoàng hậu nghe, bà biết được

túc mạng, nhờ vậy mà đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hoàng hậu bạch Phật: “ Bạch đức Thế Tôn, ngục sanh tử nay con đã phá vỡ”.

Thế rồi cả đại chúng đều nói, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều được giải thoát.

Đức Phật ở lại hoá độ khắp chốn thiên cung, Ngài đã đem lại nhiều lợi ích lớn cho mọi người. Bấy giờ ba tháng an cư sắp hoàn tất, đức Phật bảo với Cưu-ma-la: “Ông nay nên xuống cõi Diêm-phù-đề, báo cho mọi người biết, không bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Vô dư Niết-bàn”.

Lúc bấy giờ đại chúng nghe tin ấy, vô cùng buồn bã và tự nói: “Ta chẳng sớm biết được việc đức Như Lai không lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn, thế là từ nay đôi mắt của thế gian sắp hư hoại mất rồi, sao mà khổ như vậy!”

Vua Trời Đế-thích liền sai thiên chúng cùng với quỷ thần dựng ba thềm báu làm đường để đức Phật đi xuống, Hoàng hậu Ma-da rơi lệ đứng đó mà tiễn biệt đức Phật và Thánh chúng.

Đức Như Lai theo thềm bước xuống, chư Thiên cùng phạm vương cầm bảo cái theo che, trời Tứ thiên vương đứng hầu hai bên. Khắp bốn chúng đều ca ngợi và tán thán. Nhạc trời được thổi khắp cả chốn thiên cung, hoa hương được đốt rải, từ từ tiễn chân đức Thế Tôn trở xuống cõi Diêm-phù.

(Trích kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp, lại trích luật Thiện-kiến-tỳ-Bà-sa)

4. ĐẠI ÁI ĐẠO XUẤT GIA:

Khi Đức Thế Tôn trở về thành Ca-tỳ-la-vệ, bà Ma-ha Ba-xà-bà đề⁶ thuộc dòng họ Cù-đàm-di, ba lần đến cầu xin xuất gia, nhưng Đức Phật không chấp thuận nên đành phải lui ra đứng ở ngoài cửa, bà mang y phục thô xấu, chân không mang giày, đứng khóc nức nở.

A-nan thấy vậy liền hỏi: “Tại sao Di mẫu khóc?”

Bà trả lời: “Bởi vì đức Phật không cho người nữ xuất gia nên tôi mới đau buồn như thế”.

Tôn giả A nan an ủi bà rồi vào bạch đức Phật: “Bạch đức thế Tôn, con nghe Phật dạy, nếu người nữ tinh tấn tu hành thì có thể chứng được bốn quả vị giải thoát, nay Đại-Ái-đạo thành tâm cầu xin xuất gia, tại sao đức Thế Tôn lại không cho phép?”.

6) còn gọi là Đại Ái Đạo

Phật dạy: “Này A-nan, không nên đâu! Người nữ xuất gia bước vào ngôi nhà chánh pháp của ta để làm Sa-môn, khác nào một ngôi nhà người nữ nhiều mà người nam ít thì nhà đó sẽ suy yếu. Người nữ xuất gia phạm hạnh thanh tịnh không được lâu dài. Lại như khi cỏ tạp lẫn lộn vào trong ruộng lúa hoa màu, ruộng lúa tốt tươi ấy sẽ sớm bị hư hoại. Người nữ vào trong chánh pháp của ta tu hành thì cũng như vậy”.

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, Di mẫu có nhiều ý tốt, lúc đức Thế Tôn mới sinh ra thì chính tay bà đã nuôi dưỡng cho Người lớn khôn”.

Phật dạy: “Này A-nan, Ta biết Di mẫu có nhiều thiện ý, có ân tình với ta, ta cũng mang ơn Di mẫu rất nhiều. Bà đã nhờ ta mà được quy y Tam bảo, thông hiểu Tứ Thánh đế, thành tựu năm căn, thọ trì năm giới. Dù cho có người huỷ hoại thân thể để cúng dường ta thì công đức đó cũng không sánh được. Còn giả như người nữ muốn xuất gia làm Sa-môn thì không được vượt quá tám phép kính, trọn đời tuân giữ. Giống như người muốn ngăn dòng nước thì phải sửa đắp đê điều cho kỹ chớ để rịn thoát. Nếu làm được những điều đó mới có thể thu nhận vào trong giáo pháp của ta”.

A-nan liền ra nói cho Đại-Ái-đạo nghe những lời của đức Thế Tôn, Ái-đạo liền vui vẻ chấp nhận và cuối cùng cũng được xuất gia làm đại Tỳ-kheo-ni. Bà tinh tấn tu tập giữ gìn giới luật nên sớm chứng được quả A-La-hán. Sau đó Tỳ-kheo-ni Đại-Ái-đạo cùng với ni chúng đi đến chỗ của tôn giả A-nan đảnh lễ, có những vị tu tập đã lâu chứng được sơ quả, bạch hỏi Tôn giả những nghi vấn trong Bát kính pháp.

A-nan bạch lên đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn, tại sao Tỳ-kheo-ni tuy tuổi đã già nhưng phải đảnh lễ Tỳ-kheo dù cho người đó còn ít tuổi?”

Phật dạy A-nan: “Hãy thôi đi! đừng nói việc này nữa. Nếu như không cho người nữ xuất gia thì tất cả bậc hiền giả ngoại đạo cùng các học phái khác đều đem tứ sự cúng dường Tam bảo, trải tóc lên đất cúi mình thỉnh cầu ta bước qua, chánh pháp của ta cũng sẽ trụ được một ngàn năm, vì độ người nữ xuất gia nên nay chỉ còn năm trăm năm mà thôi!”

Tỳ-kheo-ni Đại-Ái-đạo cùng ni chúng nghe lời Phật dạy hoan hỉ phụng hành.

(Trích kinh Phật Thăng Đạo Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp)

Bấy giờ Đại-Ái-đạo đang cư ngụ tại tinh xá trong khu vườn của nhà vua, muốn xả báo thân. Bà nói: “Tôi không nhẫn được khi nhìn

thấy đức Như Lai và các bậc A-La-hán diệt độ, cho nên tôi vào Niết-bàn trước”.

Đức Phật biết rõ tâm tư của bà liền bảo với A-nan, nhưng A-nan nghe tin ấy thân thể nhũn ra, tâm tư bế tắc, không còn biết gì nữa.

Đức Phật nói: “Ông đem năm phần pháp thân, tứ nhiếp pháp, Bát chánh đạo bỏ đi chăng?”

A-nan bạch Phật: “Thưa không, bạch đức Thế Tôn. Nhưng khi đức Thế Tôn đản sanh được bảy ngày sau thì Thái hậu đã mất, Di mẫu là bậc mẹ hiền có ân đức với Thế Tôn”.

Đức Phật đáp: “Ông cho rằng ân đức nuôi dưỡng của Di mẫu đối với ta rất sâu nặng khó đáp đền ư? Nhưng ta đã nói cho ông rõ rồi, nhờ ta mà Di mẫu biết trở về nương tựa Tam bảo, nghe được pháp Tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo) tuệ nhãn được bừng sáng, quét sạch các kiết sử, được dự vào hàng Thánh, ân đức đó còn sâu nặng hơn núi Tu-di”.

Lúc ấy, bà Đại-Ái-đạo cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ đức Phật bạch rõ ý trên. Bà đảnh lễ, xoa chân đức Thế Tôn mà nói: “Từ nay con không còn thấy được bậc tối chánh giác nữa rồi!”.

Cả đại chúng Tỳ-kheo-ni nhiều quanh đức Thế tôn ba vòng rồi trở về tinh xá. Đại-Ái-đạo cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni hiện mười tám thân biến, hào quang rạng chiếu cả mấy tầng trời, đồng thời xả báo thân vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo A-nan: “Con nên vào trong thành, đến cung điện của cư sĩ Da-du-dà-la nói rõ Di mẫu cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đã vào Niết-bàn”.

Vâng lời đức Thế Tôn, sáng sớm Tôn giả A-nan vào thành, đến cung điện của Da-du-dà-la thuật lại mọi việc. Nghe xong Da-du-dà-la rất đau lòng, nàng đã khóc lóc vật vã. Nàng nói: “Thế là kể từ hôm nay con không còn chiêm ngưỡng được thần thông của người, ôi đau đớn biết dường nào!”

Tôn giả A nan khuyên: “Đức Thế Tôn dạy, trời đất tuy là lâu dài nhưng đã có cái mở đầu thì ắt phải có cái kết thúc, ba cõi là vô thường khác nào mộng ảo, khi sống thì cầu không chết, khi hợp thì chẳng mong lìa, điều ấy trọn không thể được”.

Da-du nghe lời khuyên ấy mà vơi bớt được Phần-nào đau buồn.

Tôn giả A-nan lại đi đến nhà của các cư sĩ Phạm-chí bảo với họ: “Đức Thế Tôn dạy, các hiền giả nên làm đủ năm trăm cổ quan tài để cúng dường cho năm trăm vị Tỳ-kheo-ni”.

Các cư sĩ Phạm-chí vâng lời, khi họ làm xong thì liền chở đến tinh

xá. Lúc ấy cửa tinh xá đang đóng kín, họ liền đi vào, định đi đến giảng đường thì gặp một vị Sa-di ni. Sa-di bảo: “Thầy tôi đang nhập định, cần thận chớ kinh động”.

Các Phạm-chí cư sĩ thưa: “Đại-Ái-đạo và chư ni đã vào Niết-bàn rồi chứ không phải nhập định”.

Sa-di nghe vậy liền té quy ngất xỉu, hồi lâu mới tỉnh dậy khóc lóc nước nỏ và nói rằng: “Giờ đây ai là người dạy dỗ chúng tôi đây? Lời giáo huấn của bậc Thánh nay đã hết rồi!”.

Các Phạm-chí thưa cùng Sa-di: “Thưa Sa-di, ân ái tuy hợp nhưng rốt cuộc cũng phải chia lìa, Sa-di nên bền chí nỗ lực tu tập mà sớm bước lên quả vị Ứng-chơn”.

Khi trà tỳ xong, thu lượm xá lợi rồi đem đến chỗ đức Phật. Phật bảo A nan: “Con hãy hướng về phía Đông chấp tay quỳ gối bên hữu rồi hô to: “Những người có lòng tin chân thật, nghiệp đã trong sạch, đủ ba thân sáu trí đều đến đây! Năm trăm Tỳ-kheo-ni đã diệt độ, các vị phải đến pháp hội”.

Bốn phương tụ họp đông đủ, mỗi phương có hai trăm năm mươi La-hán bay đến. Đức Phật bảo A-nan đem bình bát đựng xá lợi đến. A-nan giao bình xá lợi cho đức Phật bưng. Ngài bảo các Tỳ-kheo cùng các cư sĩ: “Bản thân ô uế này vốn ngu muội, thô bạo và hung ác, ganh tị mưu mô, làm băng hoại đạo đức. Người nhỏ được tận gốc rễ ngu si, là bậc trưởng phu, chứng quả A-La-hán. Thần thức dời đổi vốn chẳng thật, có gì là bền chắc đâu? Các ông hãy nên tạo lập tháp miếu để cúng dường”.

Tất cả mọi người đều vâng theo Thánh giáo⁷. Bấy giờ bốn chúng, trời, người, rồng, quỷ thần đều tạo lập tháp miếu cúng dường.

(Trích kinh Phật Mẫu Niết-bàn)

5. LA-HẦU-LA Ở TRONG THAI MẸ SÁU NĂM:

Đức Phật khi còn là Thái tử Tất-đạt-đa, Ngài có cưới hai người vợ, đó là Cù-di và Da-du-đà-la. Cù-di là thần nữ nên không hề mang thai, Da-du-đà-la thì đến đêm Bồ-tát vượt thành xuất gia mới biết mình

⁷ Trong kinh tạng A Hàm ghi: Phật bảo ông A nan cùng với La-hầu-la, các ông hãy để nhục thân của Di mẫu cho ta tự cử hành nghi thức. Thích để hoàn nhân cùng với Tỳ Sa-môn nói: Xin đức Thế Tôn chớ nhọc nhằn, chúng con xin được cúng dường. Phật bảo các ông hãy thôi đi. Đức Phật cùng Nan-đà vận chuyển cây chiên đàn cùng gỗ thơm đến, rồi đặt kim quang của Di mẫu lên hỏa táng. Phật dạy: Có bốn người đáng phải xây tháp cúng dường: 1-Phật, 2-Bích chi Phật, 3-A La-hán, 4-Chuyển Luân Thánh Vương. Các vị này đều dùng mười điều thiện để giáo hoá chúng sanh.

đã có thai. Sáu năm Bồ-tát tu tập khổ hạnh thì sáu năm đó Da-du-da-la vẫn chưa sanh con. Trong dòng họ Thích thấy thế sanh nghi bèn chất vấn nàng rằng: “Từ khi Bồ-tát vượt thành xuất gia đến nay đã lâu, thế mà tại sao nàng lại mang thai?”

Da-du-đà-la đáp: “Tôi không có lỗi gì, con tôi mang thai thật là huyết thống của Thái tử”.

Họ hỏi: “Vậy sao đã lâu như thế mà vẫn chưa sanh?”

Da-du đáp: “Điều ấy tôi cũng không rõ”.

Cả dòng họ Thích họp để bàn luận, nhà vua định theo phép nước mà trị tội. Cù-di biết được liền tâu vua: “Tâu đại vương, con thường ở chung với phu nhân Da-du, con có thể chứng minh là phu nhân vô tội. Đại vương đợi đến lúc phu nhân sanh con xem có giống cha không, lúc ấy trị tội cũng chưa muộn”. Nhà vua nghe tâu như thế bèn hoãn việc trị tội.

Khi Bồ-tát tu khổ hạnh đã mãn, ngay trong đêm thành đạo thì phu nhân Da-du sanh La-hầu-la. Vua Tịnh Phạn nhìn thấy đứa trẻ giống cha nên vì thương cháu mà quên đi nỗi buồn. Vua Tịnh Phạn bảo với quần thần: “Con ta tuy đã ra đi nhưng nay để lại đứa cháu giống hệt cha nó”.

Da-du đà-la trót đã mang tiếng xấu, muốn giải trừ. Khi đức Thế Tôn trở về thành Ca-tỳ-la-vệ để hoá độ dòng họ Thích, vua Tịnh Phạn cùng Da-du thường thỉnh Phật vào trong cung thọ trai. Lúc ấy Da-du-đà-la cầm một viên thuốc hoan hỉ một trăm vị, cùng với La-hầu-la dâng lên cho Phật. Đức Phật dùng thần lực, biến thành năm trăm vị A-La-hán, hình tướng đều giống Phật. Khi ấy La-hầu-la mới lên bảy, cầm viên thuốc đi thẳng đến trước dâng lên đức Phật. Bấy giờ đức Phật thu nhiếp thần lực lại thành một vị Tỳ-kheo. Nhìn vào trong bát của mọi người đều trống rỗng, chỉ có bát của đức Phật đầy cả thuốc hoan hỉ.

Bấy giờ Da-du-đà-la thưa: “Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà con mang thai sáu năm mới sanh?”

Đức Phật đáp: “Trong thời quá khứ, La-hầu-la từng làm một vị quốc vương. lúc ấy có một vị tiên nhân đã chứng được năm thần thông, vị ấy tâu với đức vua rằng: “Đại vương dùng pháp luật để trị những kẻ gian tặc, xin Ngài hãy trị tội của tôi, tôi là người uống trộm nước của Ngài, sử dụng Dương chi của Ngài, đó là những vật không cho mà lấy”.

Đức vua đáp: “ta vừa lên ngôi thì đã ra lệnh lấy nước và dương chi đem ban cho tất cả mọi người, người đâu có tội”.

Vị tiên nhân đáp: “Tuy đại vương đã cho nhưng tâm của tôi còn cố chấp mê muội, nay xin đại vương cứ trị tội để sau này không còn tái phạm nữa”.

Vua đáp: “Nếu quả người muốn như vậy thì người hãy đợi ta giây lát, ta vào trong cung đã”.

Nói xong, vua vào cung suốt sáu ngày mới ra. Vị tiên nhân vì đợi vua nên vô cùng đói khát. Ông nói: “Ta cho rằng đại vương đang dùng cách này để trị tội của ta”.

Vua đến nơi, vị tiên nhân bèn từ giả nhà vua rồi biến mất. Nhân đó trong năm trăm đời, La-hầu-la phải ở suốt trong thai mẹ sáu năm mới sinh.

(Trích luận Đại Trí Độ phẩm mười bảy)

6. LA-HẦU-LA XUẤT GIA:

Bấy giờ Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên: “Ông hãy đến thành Ca-tỳ-la-vệ thay ta thăm hỏi sức khoẻ của Phụ vương, các Chú cùng Di mẫu của ta. Đồng thời người an ủi và khuyên lớn mẹ của La-hầu-la, hãy dứt bỏ tình thương yêu nhỏ nòi mà cho La-hầu-la xuất gia làm Sa-di, học Thánh đạo. Dù cho tình mẫu tử thương yêu vui vầy bên nhau, nhưng tình ấy cũng chỉ trong chốc lát mà thôi, đến lúc chết rồi rơi vào trong địa ngục thì chẳng còn nhận ra nhau nữa. Khi nào La-hầu-la đắc đạo sẽ quay về độ mẹ, dứt hẳn con đường sanh tử như ta hôm nay”.

Tôn giả Mục-kiền-liên theo lời Phật dạy, đến thành Ca-tỳ-la, vào cung định trình bày ý của đức Phật cho Da-du-đà-la nghe. Bấy giờ nghe đức Phật sai người đến, nàng vội vã đưa La-hầu-la lên trên lầu cao, sai các quan thái giám đóng chặt cửa lầu và canh giữ con cẩn thận. Tôn giả Mục-kiền-liên bay lên lầu, Da-du-đà-la bất đắc dĩ mới làm lễ và thưa: “Thưa tôn giả, đức Thế Tôn có được bình an chăng? Ngài muốn điều gì mà sai tôn giả đến đây?”

Tôn giả nói: “Thái tử La-hầu-la nay đã lên chín, phu nhân nên cho xuất gia để tu học Thánh đạo”.

Mục-kiền-liên trình bày rõ ý của đức Phật cho Da-du nghe. Da-du nói: “Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử, Ngài cưới ta làm vợ, ta tôn thờ Thái tử như tôn thờ các vị thiên thần. Vậy mà chưa đầy ba năm, Thái tử lại bỏ năm thứ dục lạc mà trốn khỏi cung thành, đến vương điền. Ngài tự hện, bao giờ chứng được đạo quả thì sẽ trở về thăm. Thế nhưng, khi chứng đạo rồi, về nước Ngài không hề gặp người thân, quên mất ân tình cũ, làm ngơ như kẻ qua đường, khiến tôi càng cô quạnh chốn phòng

không. Thế mà nay lại muốn đoạt lấy đứa con yêu quý của tôi để làm quyến thuộc của mình, sao mà tàn nhẫn đến thế? Thái tử chứng đạo, tự nói là đạo từ bi, nhưng nay lại chia rẽ tình mẹ con tôi, thử hỏi có từ bi chẳng? Xin tôn giả chuyển lời của tôi thưa lại với đức Thế Tôn”.

Tôn giả Mục-kiền-liên cáo từ rồi đi đến thăm vua Tịnh Phạn, nói rõ việc trên cho nhà vua nghe. Vua liền bảo phu nhân Ba-xà-ba-đề: “Nay đức Thế Tôn sai người đến để đưa La-hầu-la theo học Thánh đạo, mẹ nó là người nữ ngu si, vì quá thương yêu con nên không buông bỏ được, phu nhân đến đó khuyên giải để cho nó tỉnh ngộ”.

Phu nhân Ba-xà-ba-đề tới lui khuyên bảo đến ba lần mà Da-du vẫn không chịu nghe. Da-du thưa với phu nhân: “Thưa mẹ, khi con còn ở nhà cha mẹ con, các vị vương tử của tám nước cùng tranh nhau đến cầu hôn, nhưng không được cha mẹ con chấp thuận. Bởi vì tài nghệ của thái tử Tất Đạt hơn hẳn mọi người, cho nên cha mẹ mới gả con cho thái tử. Nếu như Thái tử không muốn ở đời thì ân cần khổ nhục để cưới cho được con làm chi? Phàm làm người ở đời, người ta cưới vợ cốt để thương yêu, sinh con để cháu, nối tiếp dòng dõi mới hợp lẽ. Ngược lại Thái tử bỏ đi, nay quay về đòi La-hầu-la, làm như thế là dứt hẳn người kế vị của đất nước, như vậy có được chẳng?”

Phu nhân Ba-xà-ba-đề nghe những lời ấy xong, đành phải im lặng.

Bấy giờ đức Phật bèn hoá ra một người từ trên không trung nói vọng xuống: “Này Da-du-đà-la, nàng còn nhớ lời thề năm xưa không? Năm xưa còn làm một vị Bồ-tát, ta dùng năm trăm tiền để mua năm đoá hoa sen của nàng, dâng lên đức Phật Định Quang. Nàng đã gửi thêm hai bông để cúng dường và phát nguyện: “Đời đời sanh ra ở đâu cũng thường cùng với ta làm vợ chồng. Ta đã bảo nàng, ta đang thực hành hạnh Bồ-tát, bố thí tất cả. Nàng đã lập thề nguyện, đời đời sanh vào nơi nào thì nước thành, vợ con cho đến bản thân đều tùy ý chồng bố thí. Vậy nay cơ sao nàng lại thương tiếc mà giữ lấy La-hầu-la thế?”

Da-du nghe lời ấy xong đột nhiên bừng tỉnh nhớ lại những việc cũ như mới vừa xảy ra. Tình thương con đã lắng xuống, nàng cho người mời tôn giả Mục-kiền-liên vào để sám hối. Da-du nắm tay con ân cần dặn dò rồi rời lệ chia tay.

La-hầu-la thưa mẹ: “Xin mẹ chớ buồn, con đến vấn an đức Thế Tôn xong, con sẽ trở về hầu hạ mẹ. Tịnh Phạn vương biết việc, Ngài bảo với các nhà giàu trong thành: “Các khanh mỗi người cho mỗi đứa con theo cháu ta xuất gia học đạo”.

Lúc ấy lập tức có năm mươi người cùng theo La-hầu-la đến chỗ đức Phật, tất cả đều cúi đầu đánh lễ Ngài. Đức Phật sai tôn giả Mục-kiền-liên thế phát cho La-hầu-la cùng năm mươi đồng tử. Ngài lại bảo Xá-lợi -Phất làm Hoà thượng, Đại Mục-kiền-liên làm A-xà-lê để truyền trao mười giới Sa-di cho họ.

Một hôm, đức Phật thuyết cho các Sa-di nghe về tội báo đời trước của bọn Phiến-đề -la. Tất cả nghe xong vô cùng buồn bã, cùng nhau bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, Ngài là bậc hoà thượng trí đức lớn, nhận sự cúng dường tối thượng. Chúng con còn nhỏ, ngu si chẳng có đức hạnh, ăn thức ăn ngon của người bố thí, sợ rằng đời sau sẽ chịu khổ như bọn ông Phiến-đề-la, vì vậy mà chúng con thật sự rất buồn, cúi mong đức Thế Tôn thương xót cho chúng con được hoàn tục để mong thoát khỏi tội lỗi”.

Đức Phật bảo: “Ví như hai người đói khát, chợt gặp lúc người của nhà vua dọn thức ăn ngon lên. Vì tham ăn nên quá no, người có trí thì biết uống thuốc vào để nôn ra, biết kiêng cử và điều tiết, nghỉ ngơi nên bệnh tật được thuyên giảm, cuối cùng bảo vệ được sức khoẻ của mình. Còn người vô trí kia, sát sanh cúng tế để cầu cứu mạng, bị thức ăn cũ hành hạ, thân tâm đau đớn như thế, khi chết sanh vào địa ngục. Nay các con sợ vướng vào tội lỗi mà trở về nhà, như thế là người không có trí. Các con có duyên lành mới gặp được ta, ta cho thuốc để cứu chữa, chắc chắn không còn sợ chết”.

La-hầu-la nghe những lời ấy xong, tâm ý được mở mang, cuối cùng ở lại với tăng đoàn. Một thời gian sau, khi đức Phật trở về hoàng cung, có người đã nghi vấn: “Tại sao Thái tử bỏ cung điện suốt mười hai năm, vậy từ đâu mà Da-du-đà-la sanh con?”.

Đức Phật bảo với phụ vương rằng: “Da-du-đà-la là người tiết hạnh trong sạch, hoàn toàn không có tội lỗi”.

Ngài liền hoá ra chúng Tỳ-kheo tướng mạo đều giống như đức Phật, lúc ấy La-hầu-la đã lên bảy, đức Phật hỏi La-hầu-la: “Ai là cha của con?”

Bấy giờ La-hầu-la đến trước đức Phật cúi đầu đánh lễ Ngài và đem chiếc vòng làm tin⁸ của mẹ trao cho đức Thế Tôn.

(Trích kinh Vị Tăng Hữu quyền thượng. Luật Di Sa Tắc ghi: Đức Phật về hoàng cung, La-hầu-la từ xa trông thấy liền xuống lầu theo Ngài xin gia tài còn lại. Đức Phật liền bảo Xá-lợi-phất độ làm Sa-di.)

8) Chiếc vòng khi thái tử trao cho Da-du-đà trong dịp lần đầu gặp nhau

7. LA-HẦU-LA THỌ GIỚI VÀ ĐẮC ĐẠO:

Trước đây, khi La-hầu-la còn là Sa-di chưa chứng được đạo quả, tánh tình bướng bỉnh, lời nói thiếu chân thật. Một hôm, đức Phật bảo La-hầu-la: “Con đến ở tại Tinh xá Hiền-đề, nên giữ gìn lời nói, bảo vệ tâm ý, siêng năng tu học kinh giới.

La-hầu-la vâng lời, đánh lễ đức Thế Tôn rồi ra đi. Đến Tinh xá Hiền-đề được ba tháng, La-hầu-la biết hổ thẹn, ngày đêm tinh tấn sám hối. Một hôm, đức Như Lai đến thăm, La-hầu-la vui mừng nghinh đón, đánh lễ sát chân đức Thế Tôn, rồi trái tọa cụ, tiếp cất túi bát cho đức Phật. Lúc ấy, Ngài ngồi trên giường bảo La-hầu-la: “Này La-hầu-la con hãy rửa chậu lấy nước cho ta rửa chân”.

Rửa chân xong, đức Phật bảo với La-hầu-la: “Này La-hầu-la, nước này có thể dùng để ăn uống tắm gội hay súc miệng được không?”

La-hầu-la bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nước này vốn trong sạch, nay đã rửa chân, bị bụi dơ bẩn, không thể đem dùng lại được”.

Phật dạy La-hầu-la: “Con cũng như vậy, tuy là con của ta, là cháu của quốc vương, đã bỏ vinh hoa phước lộc của thế gian mà xuất gia làm Sa-môn. Thế mà con không chịu nhớ nghĩ tinh tấn tu tập, nhiếp tâm giữ ý, để cho ba món độc dơ bẩn quấy nhiễu nhiều tâm hồn. Như vậy có khác gì nước dơ trong chậu này không còn dùng được!”

Đức Phật lại hỏi: “Chậu tắm này tuy là không có gì, nhưng có thể đem đựng thức ăn được không? “

La-hầu-la bạch Phật: “Chậu này không thể dùng đựng thức ăn được. Tại sao như vậy? Bởi chậu này đã mang tên là chậu để tắm rửa, đã từng đựng những đồ bất tịnh”.

Phật bảo La-hầu-la: “Con cũng như thế, tuy làm bậc Sa-môn mà lời nói không thành thật, tâm tánh lại ngoan cố, không chịu tinh tấn tu tập. con từng bị tiếng xấu, giống như cái chậu tắm rửa này, không thể đựng thức ăn được.”

Đức Phật dùng ngón chân, hất ngược chiếc chậu, chậu liền lăn tròn mấy vòng mới dừng lại

Phật lại bảo La-hầu-la: “Này La-hầu-la, con có tiếc cái chậu này không? Có sợ nó bể không?”

La-hầu-la bạch Phật: “Dụng cụ để rửa chân không đáng là bao, trong lòng con có tiếc nhưng không ân cần lắm”.

Phật dạy La-hầu-la: “Con cũng như vậy, tuy làm Sa-môn nhưng không giữ gìn thân miệng, buông ra những lời thô tháo, ác độc, làm tổn thương đến nhiều người. Vì vậy mà mọi người không yêu mến, bậc

hiền Thánh không thương tiếc gì con, một khi mạng chung phải bị trôi lăn trong ba đường, chết đi sống lại thật vô cùng đau khổ. Các bậc hiền Thánh không thương tiếc con, như con nói không thương tiếc cái chậu này vậy”.

La-hầu-la nghe lời ấy của đức Phật, lòng hổ thẹn và sợ hãi.

Phật bảo La-hầu-la: “Này La-hầu-la, con hãy lắng nghe! Ví như ngày xưa, một ông vua nọ có một con voi lớn, sức mạnh phi thường, giỏi việc chiến đấu. Bấy giờ nhà vua khởi binh chinh phạt nước phản nghịch. Nhà vua đem voi xuất binh, dùng sự uy vũ để hàng phục. Khi ra trận, voi chỉ giấu vòi mà bảo vệ không dùng nó để chiến đấu. Tướng cưỡi voi thấy vậy rất vui mừng, biết nó bảo vệ chiếc vòi. Tại sao nó phải bảo vệ vòi? Bởi vòi của nó rất mềm mại. Một khi trúng tên vào vòi thì nó sẽ chết ngay tức khắc. Con nay cũng nên bảo vệ miệng lưỡi của mình, giống như con voi lớn bảo vệ vòi của nó không dùng chiến đấu vậy.”

La-hầu-la nghe những lời thiết tha dạy bảo của Đức Phật, lòng cảm động, tự gắng sức tu tập nên sớm chứng được đạo quả A-La-hán.

(Trích kinh Thí Dụ quyển mười)

8. NAN-ĐÀ XUẤT GIA:

Tôn-đà-la Nan-đà là em trai cùng cha khác mẹ với đức Phật. Nan-đà có thân cao một trượng năm thước bốn tấc. Khi đức Phật cùng với Tôn giả A-nan đang trụ ở thành Ca-tỳ-la-vệ, một hôm đức Phật vào thành khát thực, Nan-đà đứng trên lầu cao nhìn thấy liền xuống lầu đánh lễ Ngài và hỏi: “Bạch đức Thế Tôn, Ngài đáng làm một bậc chuyển luân Thánh vương, vì sao lại hạ mình ôm bát đi xin ăn?”

Nan-đà nói xong liền đón lấy bát của đức Phật đem vào để đầy thức ăn ngon, còn Phật thì trở về vườn Ni-câu-luật bảo với các thị giả: “Khi nào Nan-đà ôm bát của ta ra, các vị chờ nhận, hãy để cho ông ta tự mang đến”.

Khi Nan-đà đưa đến chỗ đức Phật thì người vợ của ông chạy theo dặn dò: “Thiếp đợi chàng về mới cùng ăn cơm”. Đến nơi, Nan-đà trao bát cho đức Phật và thúc giục Ngài nhận lấy.

Phật bảo: “Em đã đến đây rồi thì nên xuất gia đi!”. Sau khi xuất gia cho Nan-đà xong, đức Phật dùng thần lực đóng chặt cửa tinh xá. Từ đó về sau, thỉnh thoảng mới phân công cho làm trị nhật.

Nan-đà mừng và nghĩ kế: “Ta nhân lúc rảnh việc tìm cơ hội trốn về nhà”.

Lúc ấy Nan-đà làm tất cả các việc rất cẩn thận không có lầm lỗi xảy ra. Nhưng bị thiên thần theo dõi, Nan-đà mức nước đầy thì tự nhiên bị đổ hết, nơi đất sạch thì cỏ lại mọc lên mơn mớn, đã đóng chặt cửa nhưng tự nhiên lại mở. Nan-đà thầm nghĩ: “Nếu có mất mát thì nhà ta đủ sức bồi thường”.

Nghĩ xong chàng cởi ba pháp y ra và mặc y phục của thế gian, lên theo đường tắt để trốn đức Phật trở về nhà. Đi chưa bao xa thì lại gặp đức Phật, chàng liền chạy đến sau gốc cây lớn lánh thân, để đức Phật không nhìn thấy. Nhưng lạ thay cây lại đứng sau lưng của mình. Đức Phật liền dùng thần lực, nhổ cây treo lủng trên hư không, Nan-đà lại núp dưới gốc cây.

Đức Phật hỏi: “Nan-đà, sao em lại đến đây?”

Chàng xấu hổ im lặng.

Đức Phật hỏi đi hỏi lại ba lần: “Em muốn đi đâu?”

Chàng đáp: “Em muốn về nhà để gặp vợ em”.

Phật dạy: “Phàm là người học đạo, tâm lại buộc nơi tham dục, không nghĩ đời sau mang hoạ đốt thân. Nay ta sẽ đưa em lên trời đạo chơi, em hãy nhiếp tâm đừng sợ sệt”. Nói xong Ngài dẫn Nan-đà lên trời, chàng nhìn thấy một cung điện được trang nghiêm bằng bảy báu, các ngọc nữ vây quanh nhiều không thể tính kể, nhưng họ đều không có chồng.

Nan-đà hỏi Phật: “Bạch đức Thế Tôn, đây là cõi trời nào mà mọi người đều không có chồng?”

Đức Phật đáp: “Em tự đến đó hỏi họ xem”.

Nan-đà liền đến hỏi các ngọc nữ, ngọc nữ đáp: “Nan-đà em của đức Phật nếu tinh tấn tu tập, hành trì giới luật thì chàng sẽ sinh lên đây làm chồng chúng em”.

Nan-đà đến bạch rõ đức Phật, Phật dạy: “Em hãy nhanh chóng tu tập phạm hạnh thì không lâu sẽ sanh lên đó”.

Đức Phật lại dùng thần lực, tiếp tục đưa Nan-đà xuống địa ngục. Đi dọc theo núi Thiết vi, gặp một con khỉ chột mắt. Phật hỏi Nan-đà: “Này Nan-đà, Tôn-đà-lợi vợ của em so với con khỉ này thì như thế nào?”

Chàng đáp: “Tôn-đà-lợi ư! So với các cô gái khác thì nàng là một người đẹp tuyệt vời, làm sao mà đem so sánh với con khỉ này được?”

Đức Phật lại hỏi: “Vậy thì đem so với các thiên nữ cũng đẹp gấp trăm ngàn lần chứ?”

Khi đến địa ngục, chàng thấy các hình thức tra tấn khổ sở. Trong

đó có một cái vạc lửa, bọn ngục tốt vây quanh, lửa cháy ngùn ngụt nhưng không thấy tội nhân. Nan-đà lại bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn, sao ở đây chỉ có vạc lửa mà không có tội nhân?”

Đức Phật đáp: “Em nên đến hỏi họ xem!”

Chàng liền đến hỏi ngục tốt, họ đáp: “Nan-đà, con Cam-lồ-phạn vương vì tính dâm dục quá nặng, cậy giàu sang mà khinh khi kẻ nghèo hèn, khi chết sẽ sanh vào đây”.

Nan-đà nghe vậy thì thất kinh, vội vã bạch đức Phật, mong xa lìa địa ngục. Vì thế, đức Phật thuyết pháp nhiệm mầu cho Nan-đà nghe, cuối cùng tôn giả đã chứng được đạo quả.

(Trích kinh Đồng Tử Vấn Phật Khất Thực, lại trích kinh Xuất Diệu quyển mười sáu)

9. ĐIỀU ĐẠT XUẤT GIA:

Bạch Phạn vương⁹ có hai người con là A-nan và Điều-đạt. A-nan cao một trượng năm thước ba tấc, Điều-đạt cao một trượng năm thước bốn tấc¹⁰. Một hôm Bạch Phạn Vương đến thăm đức Thế Tôn, thấy quyến thuộc của Ngài Ca-diếp dung mạo xấu xí, liền về nhóm họp thân tộc lại để bàn luận. Lúc ấy mọi người cùng nói hùa theo: “Ngày xưa nếu đức Phật không xuất gia thì sẽ làm bậc Thánh vương, thống nhiếp cả bốn châu thiên hạ, những người theo hầu ắt phải xinh đẹp. Thế mà nay, đệ tử của Ngài không được đẹp lắm. Nếu người muốn hành đạo thì mong sao có tướng mạo vẹn toàn, tăng số đầy đủ để làm rạng rỡ đức Thế Tôn chứ! Mọi người đều cùng nói: “Phải lắm”.

Điều-đạt nói¹¹: “Các vương tử em tôi, nay bỏ vinh hoa ở đời mà xuất gia học đạo, đáng lẽ phải sửa sang cách ăn mặc cho tuyệt thế. Voi ngựa xe cộ giá trị phải ngàn vàng!

Đến ngày ước hẹn, phục sức đẹp để đi ra ngoài, người xem chen chặt cả đường. Bỗng chốc mũ của Điều-đạt rơi xuống đất. Ngựa của Cù-hòa-di cười cũng ngã quay chổng bốn vó, cát tiếng hí inh ỏi.

Lúc bấy giờ có thầy tướng xem quẻ nói: “Trong đây, những người khác đều đắc đạo, riêng hai người thì không được tốt”.

Khi đó bọn họ cùng đi đến chỗ của đức Phật cầu xin xuất gia. Biết được tâm ý họ, Phật kiên quyết hàng phục. Vì vậy, ai cũng vui mừng nhận sự giáo hoá của Ngài.

9) là em thứ hai của vua tịnh phạn

10) là em thứ hai của vua tịnh phạn

11) Lại có tên là Đề-ba-đạt-đa, đời Lương gọi là Thiên-chấp

(Trích kinh Trung Bản Khởi quyển thượng, lại trích kinh Thập Nhị Du)

10. A NA LUẬT XUẤT GIA:

Học Phạm vương¹² có hai người con là Ma-ha-nam và A-na-luật. A-na-luật là người được mẹ yêu mến. Một hôm, Ma-ha-nam nói: “Dòng họ Thích chúng ta có rất nhiều người theo đức Phật tu tập Thánh đạo, còn nhà chúng ta thì chưa có ai cả! Giờ đây, hai anh em chúng ta, một người lo xây dựng cơ nghiệp giữa thế gian còn một người nên cầu xin đức Phật cho xuất gia học đạo.

A-na-luật thấy việc nhà phiền toái nên xin mẹ theo Phật xuất gia.

Mẹ chàng nói: “Nếu như Bạt đề xuất gia thì mẹ đây cũng bằng lòng cho con được xuất gia.

A-na-luật năn nỉ mãi, cuối cùng hai người mẹ đồng ý, nhưng rồi Bạt-đề bảo khoan đi, chúng ta cùng ở lại thêm bảy năm nữa để hưởng thụ năm thú vui ở đời đã.

A-na-luật nói: “Thân mạng con người thật vô thường, khó mà giữ được lâu dài”.

Bạt-đề lại thương lượng chúng ta cùng ở nhà thêm một năm nữa, nhưng A-na-luật không chấp nhận, rốt cuộc đành phải hẹn bảy ngày sau.

Bảy ngày đã trôi qua, tám người trong dòng họ Thích cùng với người hầu là Ưu-ba-ly, mọi người đều chuẩn bị voi báu đẹp để cưỡi ra khỏi cửa thành. Lúc ấy, họ đều thay y phục, cả voi ngựa đều trao lại cho Ưu-ba-ly và dặn: “Từ lâu, người nương chúng tôi để sinh sống, nay chúng tôi xuất gia, y phục voi ngựa này cho người hết, người lo tìm kẻ sinh nhai”.

Lúc ấy, Ưu-ba-ly treo y phục lên trên cây và nghĩ rằng: “Những thứ của cải này ai muốn lấy ta cho”.

Thế rồi, Ưu-ba-ly chạy theo mọi người, đi đến chỗ của đức Phật cầu xin xuất gia. Các vương tử xin đức Phật thế độ cho Ưu-ba-ly trước để trừ bỏ được lòng kiêu mạn của họ, kế đến là thế độ cho A-na-luật.

(Trích luật Tứ Phần quyển ba. Luận Đại Trí Độ, kinh Thập Nhị Du phần lớn đều giống)

11. BẠT ĐỀ XUẤT GIA:

Cam lộ Phạm vương¹³ có hai người con là Đề-bà và Bạt-đề. Bạt-đề

12) Em thứ ba của vua Tịnh phạn

13) Cam lộ Phạm vương là em thứ tư của vua Tịnh Phạn

được mẹ thương yêu. Một hôm chàng xin mẹ xuất gia tu tập, mẹ chàng nói: “Nếu như A-na-luật xuất gia thì mẹ cũng cho phép con được xuất gia”. Sau đó quả nhiên việc ấy xảy ra, cả hai cùng đến chỗ đức Phật cầu xin xuất gia. Họ cùng nhau bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nay cha mẹ của chúng con đã cho phép, xin đức Thế Tôn thương xót tiếp độ”.

Một hôm, Bạt-đề ngồi trên gò mả ở dưới gốc cây để thiền quán, đến hơn nửa đêm thì bỗng hô to mấy tiếng: “Vui quá, Vui quá”. Có vị Tỳ-kheo ngồi bên cạnh nghe bèn bạch hỏi đức Phật. Đức Phật liền cho gọi Bạt-đề đến hỏi: “Con hô to “vui quá!” Vậy con có niềm vui gì thế?”

Bạt-đề bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, ngày xưa con còn ở nhà, khi đi, ở, ra, vào đều phải dùng dao gậy để bảo vệ thân thể, thế mà vẫn còn lo sợ. Nay con một mình ở trong chốn mồ mả mà không sợ sệt chút nào. Xuất gia thật là vui quá.

Phật bảo: “hay lắm”

(Trích luật Đàm Vô Đức. Luận Đại Trí Độ và Kinh Thập Nhị Du phần lớn giống nhau)

12. VUA LƯU LY DIỆT DÒNG HỌ THÍCH:

Vua Ba-tư-nặc vừa mới lên ngôi liền nghĩ rằng: “Trước hết ta nên cưới con gái của dòng họ Thích”.

Thế rồi ông ta liền bảo với vị quan: “Khanh hãy đem danh táng của ta đến thành Ca-tỳ-la-vệ, xin cầu hôn con gái ở nước ấy”.

Nghe việc này, trong dòng họ Thích liền tập hợp bà con lại số khoảng năm trăm người để cùng nhau bàn luận, tất cả mọi người đều tỏ vẻ giận dữ. Họ nói: “Dòng họ nhà ta là dòng tộc cao quý, cơ sao lại kết thân với con của một kẻ nô tỳ!” Lúc đó, có người nói nên đồng ý việc này, nhưng cũng có kẻ nói là không nên.

Bấy giờ Ma-ha-nam bảo với mọi người trong dòng họ Thích: “Vua Ba-tư-nặc kia rất bạo ác, nếu không gả thì ông ta sẽ xâm chiếm bờ cõi của nước ta”.

Lúc bấy giờ người nô tỳ của Ma-ha-nam có một người con gái, dung nhan xinh đẹp, họ cho cô gái tắm rửa, thay y phục tốt đẹp, ngồi xe quý rồi đích thân Ma-ha-nam mang sang cho vua Ba-tư-nặc và nói: “Đây là con gái của tôi, có thể cùng Ngài thành thân được”.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc rất vui mừng, liền phong cho cô gái này làm đệ nhất phu nhân. Không bao lâu thì có thai, sanh ra một hoàng nam thật tuấn tú khôi ngô, đời ít ai sánh kịp. Nhà vua triệu tập các thầy

tướng đến để đặt tên cho con. Các thầy xem tướng nói: “Khi bệ hạ đến xin cầu hôn với phu nhân, trong dòng họ Thích cùng nhau bàn luận, có người thì chấp thuận nhưng cũng có người không chấp thuận, vì sự tranh cãi đó mà nay đặt tên cho thái tử là Lưu-ly¹⁴.”

Năm thái tử lên tám, vua Ba-tư-nặc bảo với Lưu-ly: “Con hãy đến thành Ca-tỳ-la-vệ để học các môn bắn cung và võ nhé”. Thái tử Lưu-ly vâng lời nhà vua, cưỡi xe voi lớn cùng với tùy tùng đến tư dinh của Ma-ha-nam. Nơi đây tập hợp cả thầy năm trăm đồng tử để cùng nhau học tập.

Ma-ha-nam xây dựng một ngôi giảng đường lớn giống như thiên cung. Ông nói với mọi người: “Chúng ta trước nên thỉnh Phật và chúng Tăng về đây để cúng dường thì được phước vô lượng”. Ông cho trải toạ cụ và treo các phan lọng, rải nước thơm lên đất, xông các thứ danh hương lên trong giảng đường.

Bấy giờ Thái tử Lưu-ly đến giảng đường leo lên toà Sư tử ngồi, mọi người trong dòng họ Thích thấy vậy mới hô to lên: “Người là con của kẻ nô tỳ”. Họ vừa nói vừa kéo Lưu-ly ra khỏi cửa và đánh té xuống đất.

Thái tử Lưu-ly ngoái lại nói với Phạm-chí khổ hạnh: “Nay dòng họ Thích huỷ nhục ta quá đáng, sau này ta nối ngôi vua thì ông nhớ nhắc ta việc này”.

Khi vua Ba-tư-nặc băng hà, Thái tử Lưu-ly lên kế vị. Lúc ấy vị Phạm-chí nhắc lại chuyện xưa cho vua nghe. Nhà vua ra lệnh tập trung bốn bộ binh để chinh phạt dòng họ Thích. Nhà vua kéo quân đến thành Ca-tỳ-la-vệ thì gặp đức Phật đang ngồi kiết già dưới cội cây khô trước mặt. Thái tử từ xa trông thấy liền xuống xe đi đến đảnh lễ đức Thế Tôn.

Thái tử bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, vùng này có rất nhiều cây tươi tốt sao Ngài không ngồi mà lại ngồi dưới bóng cây khô này?”

Đức Thế Tôn trả lời: “Bóng mát của thân tộc cố nhiên là mát hơn người ngoài”.

Nhà vua nói: “Hôm nay, Đức Thế Tôn cố vì người thân trong dòng tộc mà chịu khổ, vậy thì ta không nên đánh”.

Phạm-chí lại đem mối thù xưa tâu lên nhà vua, vua lại khởi binh chinh phạt.

Bấy giờ, tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nay vua Lưu-ly đem quân đánh dòng họ Thích, con muốn gom bốn bộ
14) Lưu Ly: trong kinh tạng nhất A-hàm phần thứ 19 ghi. Chuyện vua Tỳ-thê-lặc phần nhiều giống vậy.

quân của dòng họ Thích dời đi nơi khác, hoặc dời lên hư không, hoặc an trí trong biển lớn, hoặc đặt vào trong núi Thiết vi, hoặc đưa qua các nước lớn phương khác, hoặc dùng lồng sắt che thành lại, làm như vậy có được không?”

Đức Phật đáp: “Ông là người có trí đức mới muốn làm như thế nhưng không có nơi nào yên ổn được đâu. Người dân ở nước Xá-di có bảy điều mà họ không thể trốn đi đâu được. Bảy điều ấy là: sanh, già, bệnh, chết, tội, phước, nhân duyên. Tuy lòng họ muốn trốn thoát nhưng rốt cùng họ không thể thoát được nghiệp báo quá khứ mà họ gây tạo”.

Tuy Phật dạy như thế nhưng tôn giả Mục-kiền-liên vẫn không đành lòng. Tôn giả dùng bình bát, chọn lấy bốn năm ngàn người quen biết thâu hết vào trong bát, rồi đem lên hư không gắn với các tinh tú.

Dòng họ Thích lúc ấy cũng tập hợp bốn bộ binh mã, tiến ra cách thành một do tuần để nghinh chiến. Trong một do tuần họ bắn tên về phía trước, quân lính của vua Lưu-ly, có người thì bị trúng vào tai, có người bị trúng vào đầu, cũng có người bị đâm vào búi tóc. Cung tên, binh khí, cờ xí tất cả phương tiện chiến đấu của vua Lưu-ly đã bị hư hỏng nặng nề, nhưng vẫn không làm tổn thương đến một mạng người nào.

Lúc ấy, vua Lưu-ly hết sức lo sợ, nhà vua bảo với quần thần: “các khanh hãy nhìn rõ những mũi tên này từ đâu bắn tới? Nếu như dòng họ Thích thật sự muốn tấn công ta thì quân ta sẽ chết dưới tay của họ”.

Nhà vua bèn hạ lệnh rút quân về nước Xá-vệ. Vị Phạm-chí hiểu khổ hạnh lại tâu vua: “Tâu đại vương, người chớ nên sợ hãi. Dòng họ Thích thì giới đến cả côn trùng còn không giết hại huống gì mạng người! Chúng ta hãy tiến lên!” Nhà vua liền nghe theo.

Vua Lưu-ly tiến đánh, quả nhiên quân của dòng họ Thích phải rút vào thành.

Vua Lưu-ly bảo: “Các người hãy mở cửa thành, nếu không thì ta sẽ giết hết”.

Lúc ấy trong thành Ca-tỳ-la-vệ có một đồng tử, tuổi mới mười lăm, tên là Xà-ma. Chàng một mình lên thành nghinh chiến, giết chết rất nhiều người. quân giặc bị bắn nên bỏ chạy toán loạn, có kẻ thì nấp vào trong hang đất. Khi ấy những người trong dòng họ Thích trách mắng đồng tử: “Người đã làm nhục dòng họ nhà ta, trong đây ai mà không biết chống trả, nhưng vì dòng họ nhà ta tu tập các thiện pháp, những loài côn trùng còn không giết huống gì là mạng người! quân ta chỉ cần một người thôi cũng đủ địch lại vạn người của họ, có thể dẹp tan

quân của họ. Thế nhưng, vì sát hại sanh mạng của con người thì chết sẽ đọa vào địa ngục, còn như sanh vào loài người thì thọ mạng ngắn ngủi, người hãy rời khỏi thành, không cho người ở đây nữa”.

Xà-ma liền ra đi khỏi nước. Bấy giờ vua Lưu-ly tiến đến trước cổng thành, không ngờ khi ấy có ma-ba-tuần hoá làm một người trong dòng họ Thích và hô to: “hãy mau mở cửa thành”. Người dòng họ Thích mở cửa thì vua Lưu-ly lại quát lớn: “Tất cả mọi người trong Thích tộc đều phải chết dưới đế giày của ta! Nói xong nhà vua cho voi dữ tiến vào dày xéo, chà đạp chết mọi người.

Lúc ấy, vua Ma-ha-nam tuyển chọn năm trăm người con gái của dòng họ Thích đem đến chỗ vua Lưu-ly và cầu xin hoãn đánh.

Nhà vua liền nhận lời.

Ma-ha-nam nói: “Nay tôi lặn xuống nước, tùy theo tôi nổi lên nhanh hay chậm, trong thời gian ấy xin nhà vua cho phép mọi người trong Thích tộc được chạy trốn, khi nào tôi nổi lên thì Ngài cứ giết họ”.

Lưu-ly bảo: “Hay lắm!”.

Ma-ha-nam lặn xuống nước sâu, lấy tóc của mình cột vào trong rễ cây mà kết liễu đời mình. Lúc ấy mọi người dòng họ Thích trong thành chen nhau chạy ra bốn cửa thành. Vua Lưu-ly thấy Ma-ha-nam lặn xuống nước lâu quá nên bảo với quần thần: “Ông cụ Ma-ha-nam sao đến giờ vẫn chưa trôi lên!” Vua liền sai người lặn xuống nước kéo lên thì lúc ấy Ma-ha-nam đã chết rồi.

Bấy giờ nhà vua lấy làm hối hận mà nói: “Ông ngoại ta đã qua đời rồi! Một con người do thương yêu dòng họ mà chọn lấy cái chết cho mọi người được sống. Nếu ta sớm biết việc này thì ta quyết không đánh”.

Số người vua Lưu-ly giết lên đến chín ngàn chín trăm chín mươi chín vạn, máu đổ thành sông, chảy quanh thành Ca-tỳ-la-vệ.

Sau khi quân lính kéo đi rồi, tôn giả Mục-kiền-liên bạch với đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn, nhờ thần lực của Ngài mà con đã bảo vệ được bốn năm ngàn người”.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: “ông hãy đến xem lại thử đi!”

Mục-kiền-liên liền lấy bình bát xuống xem thì quả nhiên mọi người đều đã chết.

Bấy giờ, vua Lưu-ly đến khu vườn Ni-câu-lưu nói với năm trăm người con gái dòng họ Thích rằng: “Ta là chồng của các khanh đây, các khanh đừng nên lo buồn nữa”.

Nói xong liền nắm lấy tay của một cô gái.

Cô gái liền phản ứng: “Nay ta vì cố gì mà phải gả nghĩa với con của một kẻ nô tỳ!”

Vua Lưu-ly nổi giận, cắt hết tay chân của các cô gái vứt xuống hầm sâu. Thế rồi cả năm trăm cô gái dòng họ Thích chửi mắng vua Lưu-ly: “Ai đem chúng ta mà gả cho con của một kẻ nô tỳ?”

Nhà vua ra lệnh, chiếu theo pháp luật như trước mà xử tội của năm trăm cô gái này.

Vua Lưu-ly kéo quân lính về nước Xá-vệ, lúc ấy Thái tử Kỳ-đà đang ở trong thâm cung vui chơi với các cô kỹ nữ. Nhà vua nghe tiếng liền quay xa giá đến gặp Kỳ-đà. Kỳ-đà ra khỏi cửa để gặp vua và mở lời: “Lành thay đại vương! Đại vương có thể tạm dừng lại không!”

Lưu-ly nói: “Thái tử há không nghe ta đánh nhau với dòng họ Thích sao? Hay vì quá vui chơi với các kỹ nữ mà không đến giúp ta!”

Thái tử Kỳ-đà đáp: “Việc đại vương đi giết dòng họ Thích tôi đây có nghe nhưng tôi không đi giúp là vì tôi không nỡ giết hại chúng sanh”.

Lưu-ly nghe vậy liền rút dao chém Thái tử Kỳ-đà. Thái tử chết, đức Thế Tôn thấy thần thức ông ta sanh lên cõi trời ba mươi ba. Năm trăm cô gái dòng họ Thích do quy y Tam bảo, xưng niệm danh hiệu của đức Phật nên đã sanh lại trong dòng họ Thích, xuất gia học đạo, chứng quả vô sanh.

Họ đã chịu đau khổ ngàn ấy mà không hề nhớ nghĩ hận thù.

Bấy giờ, đức Phật cùng chư vị Tỳ-kheo đến thành Ca-tỳ-la-vệ, các người nữ từ xa trông thấy ai nấy đều xấu hổ. Đức Thế Tôn ngoái lại nói với Thích-đề-hoàn nhân: “Những người nữ này họ cảm thấy xấu hổ”. Thích-đề-hoàn nhân liền lấy y trời trùm lên người họ.

Phật lại bảo với Tỳ-Sa-môn: “Những cô gái này đã đói khát lâu ngày rồi!” Ngài vừa nói xong thì đầy đủ các món ăn của trời được bày ra, tất cả đều được no đủ. Ngài thuyết cho họ nghe pháp Tứ đế, các cô gái dòng họ Thích đều rũ bỏ trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, họ đều mạng chung sanh lên cõi Trời.

Đức Phật đến cửa phía Đông, nhìn thấy trong thành khói lửa mịt mù, Ngài bảo các Tỳ-kheo rằng: “Khi xưa ta thuyết pháp cho hàng Tỳ-kheo ở trong này, thế nhưng nay đã trở thành một bãi đất trống, không có con người sinh sống. Từ nay, chúng ta không có dịp để trở lại nơi đây nữa”.

Đức Phật trở lại nước Xá-vệ, ở trong khu vườn Cấp-cô-độc, Ngài

bảo các Tỳ-kheo: “Vua Lưu Ly cùng toàn bộ binh lính sau bảy ngày nữa sẽ chết”.

Nhà vua nghe được kinh hãi. Phạm-chí khổ hạnh tâu vua: “Xin nhà vua chớ lo toan, trong ngoài bình yên cả”.

Vua Lưu Ly cho người đếm từng ngày, đến sáng thứ bảy không có chuyện gì xảy ra nên rất vui mừng. Nhà vua cùng với ba quân, các thể nữ đi đến bờ sông A-di-la, họ cùng nhau bày soạn yến tiệc. Chẳng mấy chốc, trời liền nổ sấm âm âm, mây đen cuộn cuộn nổi lên, gió lớn kéo đến trút mưa dữ dội, cuốn trôi tất cả xuống dòng sông. Trong chốc lát vua cùng quân lính chìm chết chẳng còn ai. Vua Lưu Ly sau khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ, lại bị lửa trời thiêu đốt, cháy cả cung thành.

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn, dòng họ Thích vì nhân duyên gì mà chịu khổ đau như vậy?”.

Phật dạy: “Ngày xưa ở trong thành La-phiệt có một làng ngư dân cư ngụ, lúc ấy gặp mất mùa đói kém, nhân dân ăn những thứ rễ của cỏ cây, một đầu vàng mới đổi được một đầu gạo. Trong làng này có một cái ao lớn, rất nhiều cá tôm, người dân đến đó đánh cá lên ăn. Trong ao có hai giống cá là Câu-toả¹⁵ và Đa-thiệt, hai loại cá này cùng bảo với nhau: “Ta là loài cá sống trong nước không sống được trên cạn, con người ở đây thì đến bắt ta ăn thịt”. Trong thôn có một đứa trẻ, tuổi vừa lên tám, tuy nó không bắt cá nhưng thấy mọi người bắt thì sanh tâm vui vẻ.

Ngư dân trong làng ở thành La-phiệt nay chính là dòng họ Thích. Cá Câu-toả nay chính là vua Lưu Ly, cá Đa-thiệt là Phạm-chí khổ hạnh. Còn chú bé lên tám kia nay chính là ta. Tội bắt cá ăn thịt, trong vô số kiếp họ bị đọa vào trong địa ngục, chịu nhiều khổ sở đến nay vẫn còn. Vì vui mừng khi thấy người khác bắt cá, nên ta nay phải chịu bệnh nhức đầu, như đội đá trên đầu nặng tựa núi Tu-di.¹⁶

Lúc ấy mọi người nghe đức Phật thuyết pháp vô thường, họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

(Trích kinh Thích Ca Tất Tội, lại trích Trường A-hàm, kinh Pháp Cú Thí Dụ)

13. NĂM TRĂM THỂ NỮ MUỐN XUẤT GIA THỈNH HAI THẦY:

Bấy giờ có một cô gái trong dòng họ Thích nói với năm trăm cô

15) Kinh Hưng Khởi Hạnh ghi: Phu

16) Kinh Thích Ca tất tội phần lớn đồng, có khác chút ít. Ở đây lược bớt không đưa vào

gái khác cùng họ rằng: “Tôi thường nghe Phật dạy: nếu người nào trong lúc lâm vào hoạn nạn nguy kịch mà biết chí thành niệm Phật cho đến quy y, thì người đó sẽ được bình an”.

Lúc ấy cả năm trăm người nữ cùng chí tâm xưng niệm danh hiệu đức Phật. Họ niệm to: “Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, ôi khổ quá! Đau đớn quá!”

Bấy giờ trên hư không do sức từ mẫn của Như Lai nên mây đại từ nổi lên, mưa đại bi trút xuống, nhờ vậy mà các cô gái được tay chân lành lặn trở lại như cũ. Các cô thầm nghĩ: “Làm sao chúng ta có thể báo đáp được từ ân của đức Thế Tôn?” Họ liền cùng nhau cầm y mang bát đến tinh xá ở trong khu vườn của nhà vua để cầu xin xuất gia.

Bấy giờ có nhóm lục quần Tỳ-kheo-ni trông thấy các cô dòng họ Thích trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp, vội nói cho họ nghe năm thú vui dục lạc ở đời. Bọn lục quần nói: “Các cô hãy đợi khi tuổi đã quá thì, khi đó xuất gia, như vậy không thích sao? Nếu quý vị hoàn tục thì trao y bát lại cho chúng tôi”.

Các cô nghe xong lòng buồn bã mà than thở rằng: “Thưa quý vị, giống như thức ăn ngon lạ mà đem hoà với thuốc độc. Cũng thế, năm dục ở đời gây ra nhiều tội lỗi. Điều ấy chúng tôi đã biết rõ, cơ sao quý vị lại khen ngợi chúng tốt đẹp mà mê hoặc chúng tôi?”

Nói xong lời ấy, các cô đều cất tiếng khóc to. Lúc ấy, bỗng có Tỳ-kheo Liên-hoa-sắc đi đến hỏi sự tình. Các cô đáp: “Chúng con muốn được xuất gia nhưng chẳng được chấp thuận”. Liên-hoa-sắc liền độ họ làm đệ tử”.

Khi ấy các cô dòng họ Thích buồn vui lẫn lộn, mới trình bày rõ sự việc dòng họ ly tan, thân tàn ma dại, cúi mong hoà thượng hiểu và thương xót cho.

Liên-hoa-sắc đáp: “Cái khổ của các cô đâu có thấm gì! Khi xưa tôi còn ở nhà, nhà tôi ở nước Xá-vệ, cha mẹ gả tôi cho người phương Bắc. Theo phong tục nước ấy, khi người vợ gần sanh thì phải trở về quê ngoại để sanh nở. Đến ngày khai hoa trở nhụy, vợ chồng tôi lên xe trở về quê ngoại. Trên đường đi gặp một con sông, thuỷ triều đang dâng quá mạnh, trên đường thì vắng người đi lại, lại có nhiều giặc cướp. Khi đến bờ sông, chúng tôi không thể qua được, đành phải ở lại đêm bên bờ. Màn đêm buông phủ thì tôi chuyển bụng, sanh ra một bé trai. Lúc ấy có một con rắn lớn ngửi được mùi hôi của huyết tanh liền bò đến chỗ của tôi. Trước tiên, nó phun nọc độc giết chết đứa nô bộc. Tôi cố gọi chồng tôi dậy nhưng chàng không đáp. rắn lại bò đến phun nọc độc giết chết

chồng tôi, lần lượt chúng giết hết trâu ngựa của tôi.

Đến khi trời sáng, thi thể của chồng tôi đã thối rã. Ôi! Quá buồn đau và sợ hãi, tôi cất tiếng khóc. Trải qua mấy hôm tôi ở lại bên bờ sông này. Đến khi nước rút, tôi để đứa con lớn ở lại bên bờ, còn tay tôi choàng đứa con mới sanh lên lưng, bọc quần áo mới sanh thì cắn trên miệng, rồi bắt đầu lội xuống nước để qua sông. Tôi lội qua được nửa dòng quay lại nhìn đứa con lớn thì thấy bị cọp tha đi. Lúc ấy tôi hét lên một tiếng thì bọc quần áo trên miệng bị rơi xuống sông, cháu bé trên tay cũng bị tuột chìm ngấm. Tôi dùng tay mò kiếm nhưng rốt cuộc cũng không tìm thấy. Ôi! Thế là hết. Đứa mang trên lưng thì bị buông tay rơi xuống nước, đứa trên bờ lại bị cọp tha, lòng tôi tan nát, miệng trào máu tươi. Qua đến bờ thì đã kiệt sức.

Bấy giờ có một đoàn người đi đến, trong đó có một vị trưởng giả quen biết với cha mẹ tôi. Hỏi thăm tin tức, vị ấy đáp: “Đêm hôm qua nhà cô bị hoả hoạn, cha mẹ cô đều đã chết hết”. Tôi nghe vậy thì ngất xỉu hồi lâu mới tỉnh lại. Trong lúc đó, lại có năm trăm tên cướp xuất hiện, chúng giết hết đoàn người, còn tôi thì bọn chúng bắt tôi theo làm vợ. Chúng thường sai tôi giữ cửa. Nếu trong lúc có việc khẩn cấp, bị người đuổi thì phải mở hết tất cả các cửa nhà để chúng tháo chạy.

Về sau, chúng chặn đường cướp nhưng bị tài chủ phát hiện báo với nhà vua và trong thôn xóm, nên chúng phải chạy về nhà. Khi ấy tôi đang sanh con, chúng nhiều lần gọi tôi mở cửa nhưng không ai mở, buộc phải leo tường vào.

Chúng hỏi tôi: “Tại sao không ra mở cửa”.

Tôi đáp: “Tôi đang sanh”.

Chúng bảo: “Mày vì đứa con mà làm nguy hại đến ta thì ta để nó làm gì?”

Nói xong, chúng rút dao chém đứt tay chân của con và bắt tôi phải ăn thịt con. Tôi quá lo sợ nên phải đành nhắm mắt mà nuốt, chúng mới nguôi được cơn giận.

Chồng tôi tiếp tục đi cướp bóc, bị nhà vua bắt được và đem ra xử chém ngang lưng, còn tôi thì bị chôn sống. Có người vì tham chuỗi ngọc quý trên người của tôi nên mới quật mộ lên để lấy và đem tôi đi. Đi chẳng bao xa thì bị quân lính nhà vua bắt được, họ cho là bè đảng của bọn cướp nên bắt đem chôn sống tất cả. Vì lấp đất không kỹ nên nửa đêm cọp lại moi lên ăn thịt, nhân đó tôi mới được thoát.

Tôi mê man không còn biết chi là phương hướng, cứ thẳng đường mà tiến tới. Trên đường gặp nhiều người, tôi hỏi: “Các vị ở đâu, có thể

giúp tôi trừ bỏ sự thống khổ này không?

Lúc ấy các vị trưởng giả, Bà-la-môn thấy tôi như vậy động lòng thương xót mà nói: “Tôi đã nghe pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni được nhiều an ổn, không còn các sầu não”.

Tôi nghe như thế lòng rất vui mừng liền tìm đến bà Ái-đạo kiều-đàm-di xin xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, nhờ thứ tự tu tập mà chứng được đạo quả.

Năm trăm thế nữ dòng họ Thích nghe những lời này lòng vô cùng vui mừng hớn hở và đăc được pháp nhân thanh tịnh.

Bấy giờ mọi người đến bái yết Kiều-đàm-di. Bà nói: “Biển pháp của Như Lai tất cả đều có dự phần. Song chúng ta là người nữ, đức Như Lai không cho phép xuất gia, chỉ vì chúng ta quá nhiều nghi hoặc, chấp trước khó xả. Ngu si ái nhiễm, che lấp tâm tánh, bị nước ái dục nhận chìm không có khả năng ngóc đầu lên nổi; biếng nhác ỷ lại, đời này không thể trang nghiêm Bồ-đề, không chứng được Thánh quả ba thừa.

Tôn giả A-nan vì ta mà cầu xin đức Phật: “Sắc thân của Thế Tôn cho đến thành Phật hôm nay đều do Di mẫu cho bú mớm nuôi dưỡng”.

Đức Phật dạy: “Nếu cho người nữ xuất gia thì Phật Pháp sẽ sớm đoạn diệt”.

Tôn giả A-nan lại cầu xin: “Bạch đức Thế Tôn, chư Phật trong quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, nhưng nay chỉ có Ngài là chưa đủ”.

Phật bảo A-nan: “Nếu như Kiều-đàm-di mẫu vì mến mộ Phật Pháp, phát đại tinh tấn, tu tập thanh tịnh tám pháp kính thì ta sẽ cho phép được vào trong hàng ngũ Phật pháp”.

Nhờ vậy mà ta mới được xuất gia, huân tu đại bi. Vì hết thấy người nữ về sau mà ta ân cần cầu xin đức Thế Tôn: “Bạch đức Thế Tôn, các thiện nữ về đời sau, vì lòng tin chơn thật, mến mộ Phật pháp, cúi mong đức Thế Tôn cho phép họ được xuất gia tu tập”.

Đức Phật bảo ta: “Nếu có người nữ từng bước tu tập, hộ trì Phật pháp, giữ giới đa văn, từ Ba quy Năm giới cho đến Cụ túc, hỗ trợ tuyên dương đạo pháp, được như vậy thì cho phép họ xuất gia”.

Quý vị hãy thường nhớ nghĩ ân đức của A-nan, cung kính cúng dường ngày đêm sáu thời để tâm đừng quên lãng.

(Trích Kinh Báo Ân quyển năm)

14. NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA ĐỨC PHẬT VỚI XA NẶC VÀ NGỰA KIỀN TRẮC:

Một hôm tôn giả Xá-lợi-phất bạch đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn,

đời trước của Xa-nặc đã tạo được những công đức gì mà đưa Bồ-tát vào trong núi tu tập chứng quả chánh giác ngày nay?”

Phật dạy: “Xa-nặc không phải chỉ riêng đời này có công đức như thế ấy. Khi xưa ta tu hạnh Bồ-tát tại nước Thi-la-biên-luy, ở nước ấy có vua Tu-đàm-ma-đề nghe người thế gian nói: “Có kẻ tu đạo mà được lên trời, có người cúng tế mà được lên Trời”.

Nhà vua là người thường muốn lên trời nhưng không biết phải làm cách nào? Trong nước thì lại có hơn bốn vạn người theo đạo Bà-la-môn. Trong ấy có vị Bà-la-môn tên là Đại-tôn, nhà vua đến thỉnh ý của ông ta.

Bà-la-môn Đại-tôn hỏi: “Nhà vua muốn thân sống được bay lên trời hay chết được sanh lên trời?”

Vua đáp: “Ta muốn thân sống mà được bay lên trời”.

Bà-la-môn Đại-tôn nói: “Đại vương nên làm việc tế cúng”.

Nhà vua nghe như thế vui mừng, đem trân bảo quý báu cúng cho Bà-la-môn Đại-tôn.

Đại-tôn đề nghị chọn lấy gái trai xinh đẹp ở trong nước mỗi bên một trăm người, những súc vật như Ngựa Voi mỗi loài cũng một trăm con. Trước tiên là cho bốn vị Bà-la-môn ăn cơm nước xong, sau đó mới giết người và súc vật để tế trời. khi lấy máu của chúng xong, dâng lên cho Bà-la-môn, để họ làm thêm thang lên trời.

Lại nữa, phải lấy cho được máu của thần nữ Chân-đà-la ở trong núi Hương đem hoà với máu của người và vật ở trên để làm thêm

Vua vui vẻ nói: “Sao người không nói sớm cho ta biết?”

Vua bèn ra lệnh khắp trong nước, ai có thể bắt được thần nữ Chân-đà-la không?”

Lúc ấy có một người đến tâu với nhà vua: “Tâu đại vương, trong núi thứ bảy có hai vị có thể bắt được, đó là Xà-lê và Ưu-lê, họ đều biết chỗ ở của thần nữ Chân-đà-la”.

Nhà vua bảo: “Hãy mau gọi họ đến đây”.

Khi họ đến, nhà vua hết sức vui mừng, sai dọn rượu thịt, thức ăn ngon để tiếp đãi, mặc tình cho họ vui chơi bảy ngày bảy đêm, còn trọng thưởng cho họ rất hậu.

Nhà vua bảo Xà-lê và Ưu-lê rằng: “nếu các người có thể bắt thần nữ Chân-đà-la đến để giúp ta được lên trời thì ta sẽ giao đất nước này lại cho các người cai quản.

Cả hai người nhận lời vội dốc sức đi tìm thần nữ Chân-đà-la. Hai tháng trôi qua, họ đã vượt qua tám lớp núi, đến được núi Hương sơn, lúc

ấy họ gặp một hồ nước lớn, đồng thời họ thấy Thích đề hoàn nhân cùng với vô số chư Thiên kỹ nữ ra khỏi thành dạo chơi và đến hồ đó tắm gội. Tắm xong, tất cả đều bay lên trời.

Bấy giờ bên cạnh hồ nước có một vị Bà-la-môn, vị này đã chứng được tứ thiên, đang hành đạo ở bàn già. Xà-lê và Ưu-lê tiến đến làm lễ và thưa hỏi: “Thưa Ngài, ở đây sao lại có những tiếng ồn ào vui vẻ như thế?”

Ông đáp: “Nữ vương Ma-đâu và hơn một ngàn người nữ ở trong thành này đang dạo chơi, tắm rửa rồi sẽ đến chỗ ta làm lễ. Hai vị nên đi nơi khác”.

Xà-lê và Ưu-lê liền từ tạ. Khi đến chỗ khuất họ cùng bàn với nhau rằng: “Từ nơi vị đại thần Thánh này để tìm thần nữ, có lẽ được đấy”.

Cả hai vị đều thầm nghĩ nên dùng cỏ kết lại rồi thả vào lấp kín mặt nước khiến cho vị Bà-la-môn kia không cử động được. Lúc ấy, cỏ đề lên thiên nữ khiến cho không bay được. Họ kết cỏ niệm thần chú xong, thả xuống hồ. Lúc ấy, Thích đề hoàn nhân cùng các vị thiên nữ khác đều bay lên được, chỉ còn nữ vương Ma-na-ha-la bị lấp ở trong, không bay lên được. Họ liền tiến tới trời nữ vương lại và dặt về cho vua. Nhà vua mời họ vào, thiết đãi yến tiệc, tặng thưởng công lao.

Bấy giờ thái tử Na-la-thi làm vua ở nước khác, nhà vua có thái tử tên là Tu-la. Trước đây chính là cháu của Na-la-thi. Tu-la có lòng đại bi, thực hành Bồ-tát đạo. Nhà vua cho gọi Thái tử đến, Thái tử nhìn thấy cô gái liền muốn cưới làm vợ.

Vua nói: “thay vì làm vợ của con, nay ta lấy máu của cô ta để làm bậc thang lên trời”.

Bồ-tát nói: “Nếu như không cưới cho con thì con sẽ chết”. Nhà vua sợ Thái tử chết nên đem cô gái ban cho.

Hơn bốn tháng trôi qua, Bà-la-môn đến tâu vua: “Tâu đại vương, trước đây đã bắt được thần nữ Chân-đà-la, nay nên giết cùng với những người khác và súc vật để lấy máu. Trước tiên, đại vương cho đào hố vuông tám thước để đựng máu của họ đợi ngày tế lễ”.

Nhà vua nói: “tốt lắm”

Khi ấy Bồ-tát nghe được liền hỏi nhà vua sẽ làm gì?

Bà-la-môn đáp: “Dùng làm tế lễ để được bay lên trời”.

Bồ-tát nói: “Nếu như giết người và súc vật thì khi chết sẽ đọa vào địa ngục, làm gì có chuyện được bay lên trời”.

Bà-la-môn nói: “Tuổi thái tử còn nhỏ, không phải việc của Ngài”.

Bồ-tát nói: “Ta đã biết hết nhân duyên của ông”.

Bà-la-môn nói: “Ngài biết những chuyện gì nào?”

Bồ-tát liền nói hết những việc hành pháp của ông ta, Bà-la-môn xấu hổ vội bỏ đi. Bồ-tát liền nói kinh cho vua nghe: “Muốn lên trời thì phải giữ gìn năm giới, tu tập mười thiện nghiệp, lập đàn bố thí, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các bậc Sa-môn, lòng từ mẫn với muôn loài chúng sanh bé nhỏ, tùy theo nhu cầu ăn uống mà cung cấp đầy đủ cho nó sống. Nếu làm được điều ấy thì có thể được lên trời”.

Nhà vua nghe xong liền thực hành theo lời của Bồ-tát dạy. Vua đem vàng bạc châu báu trong kho giao cho thái tử, mặc tình bố thí suốt cả bảy ngày. Bố thí xong, thái tử cùng với vợ làm lễ nhà vua và trở về nước cũ.

Sau đó trời đổ mưa vàng bạc châu báu. Suốt một năm, Bồ-tát ở với vợ mà không lo việc nước. Quân thần tâu vua, phải giết Chân-đà-la thì Thái tử mới lo việc nước. Nhà vua nghe lời tâu của đại thần nhưng không thể giết Chân-đà-la. Người ra sắc lệnh bắt Thái tử trốn lại.

Lúc ấy Chân-đà-la bay đi, khi ngang qua chỗ Xà-lê và Ưu-lê, Chân-đà-la nói với họ: “Thái tử đến đây tìm tôi thì làm phiền quý vị trao vật này lại cho Thái tử. Chân-là-la liền để lại chiếc nhẫn làm tin, trao cho hai vị đạo nhân rồi đi.

Bấy giờ nhà vua thả Thái tử ra, Thái tử không thấy Chân-đà-la đâu, ông té xuống đất và nói: “Giờ biết tìm cô ta ở nơi nào?”

Lúc ấy có một vị thần nói với Thái tử: “Đừng nên khóc nữa, ta sẽ mách bảo cho Ngài biết, hiện giờ cô ta đang ở trong núi thứ bảy, thái tử hãy mau tìm đến đó”.

Nghe nói thế, Thái tử liền mang áo châu báu, vai mang cung tên, lưng đeo đao kiếm để lên đường tìm người. Đêm đến áo châu toả sáng cả bốn mươi dặm. Thái tử rời khỏi nước đến sáng hôm sau thì tới núi thứ bảy. Nhìn đằng trước có hai người, Thái tử đến hỏi: “Hai vị ở đây có thấy thân nữ Chân-đà-la không?”

Hai người liền đáp: “Chúng tôi có gặp, nàng đã nhờ tôi trao lại chiếc nhẫn làm tin cho Thái tử”.

Cả ba cùng nhau đi về phía trước, leo lên núi hương sơn thứ tám lại trông thấy vị Bà-la-môn chứng tứ thiền trước kia, họ bước tới làm lễ.

Lúc ấy trời Đế Thích hoá làm một chú vượn đáng sợ, quấy động cả núi rừng. Bồ-tát thấy thế sợ quá, Bà-la-môn nói với Bồ-tát: “đây là việc thường tình như vậy”. Vượn thấy người không chịu xuống.

Bà-la-môn nói: “Người hãy xuống đây”

Vượn liền leo xuống cây và mang theo trái cây dâng lên, Bà-la-môn nhận lấy rồi trao cho ba người cùng ăn.

Bà-la-môn bảo vượn: “Người hãy dẫn ba vị này đến chỗ thiên nữ”.

Vượn nói: “Họ là ai mà biểu tôi phải dẫn lên trời?”

Bà-la-môn đáp: “Đây là Thái tử con của vua, họ đều là những vị Bồ-tát làm sứ mệnh đem Phật pháp hoá độ thiên nhân cho đến các loại côn trùng”.

Vượn liền nói: “Tốt lắm!”.

Vượn dẫn ba người bay lên trời, trên đường ngang qua trú xứ của năm trăm vị Bích-chi-Phật. ba người bảo vượn trở lại lấy hoa cúng dường các Bích-chi-Phật và chư vị Bồ-tát, họ cùng nhau phát nguyện.

Lúc ấy Bồ-tát phát nguyện: “Nguyện cho con sớm chứng được quả Phật”.

Vượn phát nguyện: “Con nguyện được làm ngựa cho đức Phật”.

Xà-lê phát nguyện: “ Con nguyện được làm kẻ hầu của đức Phật”.

Ưu-lê phát nguyện: “Con nguyện chứng được quả vị A-La-hán”.

Phát nguyện xong, mọi người cùng đi đến chỗ thiên nữ Chân-đà-la. Đến nơi vượn làm lễ và lui ra, Bồ-tát cùng với Xà-lê và Ưu-lê đều ngồi ở ngoài cửa. Bấy giờ có một tỷ nữ thanh y lấy nước, Bồ-tát hỏi: “Lấy nước này để làm gì?”

Đáp: “Nước này để cho thiên nữ Chân-đà-la tắm gội”.

Bồ-tát liền tháo chiếc nhẫn thả vào trong nước rồi để cho thanh y bung vào. Khi ấy thiên nữ Chân-đà-la đang tắm, nhìn vào thấy chiếc nhẫn trong chậu nước thì ngừng lại. Lát sau, Chân-đà-la vào thưa cùng cha mẹ rằng: “Chồng con đang ở ngoài cửa”.

Cha mẹ thiên nữ nghe vậy thì rất vui mừng. Người cha tên là Đâu-mạc vội ra gặp Bồ-tát. Họ chào nhau xong, Xà-lê và Ưu-lê xin cáo từ. Nhà vua mời Thái tử Bồ-tát vào thành cùng nhau vấn an sức khoẻ rồi lấy nước rửa tay cho Bồ-tát. Sau khi tiếp đãi xong, nhà vua đem con gái mình cùng với hơn một ngàn nữ hầu giao phó cho Bồ-tát.

Thế là đã bảy năm lưu lại nơi chốn thiên cung này. Một hôm, Bồ-tát tâu vua: “Tâu đại vương, đã lâu thần không gặp được cha mẹ, hôm nay thần xin trở về hoàng cung thăm lại mọi người”.

Vua đáp: “Khanh hãy khoan đi đã”.

Bảy hôm sau có một con quỷ đến tâu với nhà vua: “Trước đây

nghe đại vương mất con gái, nay lại trở về mang thêm một chàng rể quý nữa”.

Vua trả lời: “Con gái của trẫm đáng như vậy, chồng của nó cao quý lắm. Chồng của nó là vương tử nước kia, ở đây đã lâu, nay muốn trở về, phiến khanh tiến đưa Thái tử”.

Quý vương vâng lệnh, họ lấy bảy thứ báu trong cả nước làm thành bảy tầng lầu. Quý đặt lầu trong lòng bàn tay, đưa Thái tử trở về nước cũ. Xong xuôi, quý vương xin cáo từ.

Bồ-tát đến trước cha mẹ đánh lễ vấn an sức khỏe. Nhà vua thấy Thái tử trở về liền đem các kho báu vàng bạc giao cho Thái tử. Nhà vua ra chiếu, nhân dân khắp nơi muốn có vàng bạc gạo thóc thì đến cửa đông của hoàng cung, tùy ý mà lấy. Về sau vua mạng chung liền sanh lên cõi trời.

Này các Tỳ-kheo, Thái tử lúc ấy, nay chính là ta. Vị Bà-la-môn chứng tứ thiên nay là Xá-lợi-phất. Xà-lê nay là Xa-nặc. Ưu-lê nguyện làm A-La-hán nay là Mục-kiền-liên. Vị Thiên-đế-thích hoá làm vợ rồi nguyện làm ngựa nay là ngựa Kiên-trắc. Cha ta lúc ấy, nay là Duyệt-đầu-đàn phụ vương ta. Mẹ ta lúc ấy, nay là Ma-da mẫu hậu của ta. Chân-đà-la nay là Cù-di.

(Trích kinh Xa-nặc)

